

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NĂM HỌC 2025 - 2026

LỚP MẪU GIÁO BÉ

I. MỤC TIÊU - NỘI DUNG GIÁO DỤC

Mục tiêu giáo dục		Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề
TT	Mục tiêu		
1. Lĩnh vực phát triển thể chất:			
a, Phát triển vận động:			
1	- Trẻ thực hiện đủ các động tác trong bài thể dục theo hướng dẫn.	- Hô hấp: Hít vào, thở ra - Tay: + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang hai bên: + Co và duỗi tay, bắt chéo hai tay trước ngực - Lưng, bụng, lườn: + Cúi về phía trước: + Quay sang trái, phải. + Nghiêng người sang trái, sang phải. - Chân + Bước lên phía trước, bước sang ngang; ngồi xổm; đứng lên; bật tại chỗ. + Co duỗi chân.	1->9
2	- Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động đi hết đoạn đường hẹp.	- Đi trên (trong) đường hẹp. - Đi trong đường hẹp đầu đội túi cát	6, 7
3	- Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động đi kiễng gót liên tục 3m	- Đi kiễng gót.	1
4	- Trẻ kiểm soát được vận động đi/chạy thay đổi tốc độ theo đúng hiệu lệnh.	- Đi, chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh	2, 4
5	- Trẻ kiểm soát được vận động chạy liên tục trong đường đích dắc (3 - 4 điểm đích dắc) không chệch ra ngoài.	- Đi, chạy thay đổi hướng theo đường đích dắc	5, 6
6	- Trẻ biết phối hợp tay - mắt trong vận động tung bắt bóng với cô: Bắt được 3 lần liên không rơi bóng(khoảng cách 2,5 m)	- Lăn, tung bắt bóng với cô - Bắt bóng và tung bóng với cô bằng 2 tay	1,4,5,9
7	- Trẻ biết phối hợp tay - mắt trong vận động tự đập - bắt bóng được 3 lần liên (đường kính bóng 18cm)	- Đập bắt bóng với cô	3
8	- Trẻ thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: ném trúng đích nằm ngang (xa 1,5 m)	- Ném trúng đích bằng 1 tay - Ném xa bằng 1 tay - Ném xa bằng 2 tay	5,6,7

9	- Trẻ thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: chạy được 15m liên tục theo hướng thẳng, bò trong đường hẹp (3 m x 0,4 m) không chệch ra ngoài	- Bò, trườn theo hướng thẳng - Bò, trườn theo đường đích dắc - Bò, trườn chui qua cổng - Bước lên, xuống bậc cao 30cm - Trườn về phía trước - Chuyển bắt bóng 2 bên theo hàng ngang, hàng dọc - Bật tại chỗ - Bật về phía trước - Bật xa 20 - 25 cm - Chạy được 15m theo hướng thẳng	1- 9
10	- Trẻ thực hiện được vận động xoay tròn cổ tay	- Gập, đan các ngón tay vào nhau, quay ngón tay cổ tay, cuộn cổ tay.	1
11	- Trẻ thực hiện được vận động gập, đan ngón tay vào nhau	- Đan tết	2
12	- Trẻ phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay trong hoạt động: vẽ được hình tròn theo mẫu	- Làm quen với giấy bút. Tô vẽ nguệch ngoạc	1,3
13	- Trẻ phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay trong hoạt động: cắt thẳng được một đoạn 10cm	- Xé, dán giấy - Sử dụng kéo, bút	4,6
14	- Trẻ phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay trong hoạt động: xếp chồng 8-10 khối không đồ	- Xếp chồng các hình khối khác nhau	6
15	- Trẻ phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay trong hoạt động: tự cài, cởi cúc	- Cài, cởi cúc	5

b, Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe:

16	- Trẻ nói đúng tên một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật hoặc tranh ảnh (thịt, cá, trứng, sữa, rau...)	- Nhận biết một số thực phẩm quen thuộc	9
17	- Trẻ biết tên một số món ăn hằng ngày: trứng rán, cá kho, canh rau...	- Nhận biết một số món ăn quen thuộc	1

18	- Trẻ biết ăn để chóng lớn, khỏe mạnh và chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn khác nhau.	- Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất. - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì ...)	9
19	- Trẻ thực hiện được một số việc đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn: rửa tay, lau mặt, xúc miệng	- Làm quen cách đánh răng, lau mặt - Tập rửa tay bằng xà phòng.	2
20	- Trẻ thực hiện được một số việc đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn: tháo tất, cởi quần, áo ...	- Thực hiện tháo tất, cởi quần áo dưới sự giúp đỡ của người lớn.	4
21	- Trẻ biết sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách	+ Sử dụng bát, thìa đúng cách. + Thể hiện bằng lời nói và nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh.	3
22	- Trẻ có 1 số hành vi tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở: uống nước đã đun sôi...	- Tập luyện 1 số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe	2
23	- Trẻ có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở: chấp nhận vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học	- Nhận biết trang phục theo thời tiết - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm	8
24	- Trẻ có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở: biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu.	- Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người	2,8
25	- Trẻ nhận ra và tránh một số vật dụng nguy hiểm (bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng) khi được nhắc nhở.	- Nhận biết và phòng tránh những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng - Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ như: <i>Cháy, nổ, chập điện,</i>	3

26	- Trẻ biết tránh nơi nguy hiểm (hồ, ao, bể chứa nước, giếng, hố vôi ...) khi được nhắc nhở.	- Nhận biết và phòng tránh những nơi không an toàn đến tính mạng: <i>Khe, suối, bể nước, nơi có nguy cơ sạt lở...khu vực an toàn của trường/nơi lánh nạn khi có thiên tai, hoạt động phòng chống thiên tai của gia đình.</i>	8
27	- Trẻ biết tránh một số hành động nguy hiểm khi bị nhắc nhở: không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt...	- Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm đến tính mạng: <i>Khe, suối, bể nước, nơi có nguy cơ sạt lở...khu vực an toàn của trường/nơi lánh nạn khi có thiên tai, hoạt động phòng chống thiên tai của gia đình.</i>	5
28	- Trẻ biết tránh một số hành động nguy hiểm khi bị nhắc nhở: không tự lấy thuốc uống	+ Không tự ý lấy thuốc uống	4
29	- Trẻ biết tránh một số hành động nguy hiểm khi bị nhắc nhở: không leo trèo bàn ghế, lan can	- Không leo trèo những nơi nguy hiểm	1
30	- Trẻ biết tránh một số hành động nguy hiểm khi bị nhắc nhở: không nghịch các vật sắc nhọn	- Trẻ không nghịch vật sắc nhọn	3
31	- Trẻ biết tránh một số hành động nguy hiểm khi bị nhắc nhở: không được theo người lạ ra khỏi khu vực trường lớp.	- Trẻ không đi theo người lạ	6
Điều chỉnh BS			

2. Lĩnh vực phát triển nhận thức

a, Khám phá khoa học:

32	- Trẻ biết chức năng của các giác quan và một số bộ phận khác của cơ thể.	- Chức năng của các giác quan và một số bộ phận khác của cơ thể: <i>Cơ thể của bé (Các bộ phận, các giác quan)</i> - Kể tên bằng Tiếng Việt các bộ phận, giác quan của cơ thể.	2
33	- Trẻ biết đặc điểm nổi bật, công dụng, cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi.	- Đặc điểm nổi bật, công dụng, cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi: <i>Đồ chơi của lớp, đồ dùng trong gia đình.</i> - Nhận biết và kể tên bằng Tiếng Việt một số đồ dùng đồ chơi của lớp.	2,3

34	Trẻ biết tên, đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông quen thuộc.	Tên, đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông quen thuộc. - Nhận biết và kể tên bằng Tiếng Việt một số PTGT quen thuộc.	7
35	- Trẻ biết quan tâm, hứng thú với các sự vật, hiện tượng gần gũi như chăm chú quan sát sự vật, hiện tượng; hay đặt câu hỏi về đối tượng.	- Mỗi liên hệ đơn giản giữa con vật, cây quen thuộc với môi trường sống của chúng. - Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật, cây.	5, 8
36	- Trẻ biết sử dụng các giác quan để xem xét, tìm hiểu đối tượng: nhìn, nghe, ngửi, sờ, ... để nhận ra đặc điểm nổi bật của đối tượng.	- Đặc điểm nổi bật và ích lợi của con vật, cây, hoa, quả, đồ dùng đồ chơi quen thuộc: <i>Một số loại thực phẩm; cây xanh, một số loại hoa, một số loại quả, một số loại rau. Vật nuôi trong gia đình (Gia cầm, gia súc), động vật sống trong rừng, một số loại cá.</i> - Nhận biết và kể tên bằng Tiếng Việt một số con vật, hoa, quả quen thuộc.	1, 5,6
37	- Trẻ biết làm thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát, tìm hiểu đối tượng. ví dụ: Thả các vật vào nước để nhận biết vật chìm hay nổi.	- Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây, hoa, quả, gần gũi	5, 6, 8
38	- Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau có sự gợi mở của cô giáo như xem sách, tranh, ảnh và trò chuyện về đối tượng.	- Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau có sự gợi mở của cô giáo như xem sách, tranh, ảnh và trò chuyện về đối tượng. - Đặc điểm nổi bật và ích lợi của con vật, cây, hoa, quả quen thuộc	5,6,7
39	-Trẻ biết phân loại các đối tượng theo một dấu hiệu nổi bật.	- Phân loại đồ dùng, đồ chơi, cây, hoa, quả, con vật	1,5,6
40	- Trẻ nhận ra một vài mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng quen thuộc khi được hỏi.	- Hiện tượng nắng, mưa, nóng, lạnh và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của trẻ: <i>Mùa hè của bé</i> - Nhận biết và kể tên bằng Tiếng Việt các mùa.	8
41	- Trẻ biết mô tả những dấu hiệu nổi bật của đối tượng được quan sát với sự gợi mở của cô giáo	- Một số dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm - Một số nguồn nước sinh hoạt hằng ngày - Một số nguồn ánh sáng trong sinh hoạt hằng ngày	8

42	-Trẻ biết thể hiện 1 số điều quan sát được qua các hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình.	- Một số điều quan sát được qua các hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình...	5,6
43	Trẻ phối hợp các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng nhưng kết hợp nhìn, sờ, ngửi, nếm,... để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng.	- Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi. - <i>Dấu hiệu đặc trưng của từng loại thiên tai:</i> + <i>Động đất:</i> ra chỗ đất chống...; Sắm sét tránh xa đường dây điện, cây to, các vật dụng kim loại... + <i>Sạt lở:</i> Đất đá trên các sườn dốc của đồi núi trượt từ trên xuống. + <i>Lũ:</i> là hiện tượng mực nước và tốc độ của dòng chảy trên sông, suối vượt qua mức bình thường. + <i>Mưa đá:</i> Mưa kèm theo những viên nước đá có hình dạng và kích thước khác nhau rơi xuống đất...	8

b, Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán:

44	- Trẻ biết quan tâm đến số lượng, và đếm như hay hỏi về số lượng, đếm vẹt, biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng.	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 5 và đếm theo khả năng	3,5,6,7
45	- Trẻ biết đếm trên các đối tượng giống nhau và đếm đến 5.	- 1 và nhiều	1,3,5,6,7
46	Trẻ biết so sánh số lượng 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn	- So sánh 2 nhóm đối tượng.	6,7
47	- Trẻ biết gộp và đếm hai nhóm đối tượng cùng loại có tổng trong phạm vi 5	- Gộp 2 nhóm đối tượng và đếm <i>trong phạm vi 5</i>	4,5,6,8
48	- Trẻ biết tách một nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5 thành hai nhóm.	- Tách 1 nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn	
49	- Trẻ nhận ra quy tắc sắp xếp đơn giản (mẫu) sao chép lại	- Xếp tương ứng 1 - 1, ghép đôi - Xếp xen kẽ	3,9

50	- Trẻ biết so sánh hai đối tượng về kích thước và nói được các từ: to hơn/nhỏ hơn; dài hơn/ngắn hơn; cao hơn/thấp hơn; bằng nhau.	- So sánh 2 đối tượng về kích thước '+ <i>So sánh chiều cao của 2 đối tượng</i> + <i>So sánh kích thước to, nhỏ của 2 đối tượng.</i> + <i>So sánh chiều dài của 2 đối tượng</i>	6,9
51	- Trẻ biết nhận dạng và gọi tên các hình: tròn, vuông, tam giác, chữ nhật.	- Nhận biết, gọi tên các hình: hình vuông, tam giác, hình tròn, hình chữ nhật và nhận dạng các hình đó trong thực tế - Sử dụng các hình học để lắp ghép	4,5,8
52	- Nhận biết vị trí trong không gian và định hướng thời gian: Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so với bản thân	- Nhận biết phía trên - phía dưới, phía trước - phía sau, tay phải - tay trái của bản thân	2
c, Khám phá xã hội:			
53	- Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên, tuổi, giới tính của bản thân.	2
54	- Trẻ nói được tên của bố mẹ và các thành viên trong gia đình.	- Tên của bố mẹ và các thành viên trong gia đình	3
55	- Trẻ nói được địa chỉ của gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.	- Tên địa chỉ gia đình	3
56	- Trẻ nói được tên trường lớp, cô giáo, bạn, đồ dùng, đồ chơi trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên lớp mẫu giáo, tên và công việc của cô giáo - Tên các bạn, đồ dùng, đồ chơi của lớp, các hoạt động của trẻ ở trường. - <i>Tên, địa chỉ của trường, lớp; Tên, công việc của cô nuôi dưỡng; Tên và đặc điểm của các bạn trong lớp</i>	1,3
57	- Trẻ biết kể tên và nói được sản phẩm của nghề nông, nghề xây dựng... khi được hỏi, xem tranh.	- Tên gọi, sản phẩm và ích lợi của 1 số nghề phổ biến: <i>Nghề nông, nghề bộ đội, nghề giáo viên, nghề công nhân,..</i> - <i>Gọi tên, sản phẩm một số nghề bằng Tiếng Việt.</i>	4

58	- Trẻ biết kể tên một số lễ hội: Ngày khai giảng, tết trung thu ... qua trò chuyện, tranh ảnh.	- Một số lễ hội: Ngày khai giảng, tết trung thu...qua trò chuyện, tranh ảnh.	1,5,8,9
59	- Trẻ biết kể tên một vài danh lam, thắng cảnh ở địa phương.	- Trẻ kể tên các danh lam thắng cảnh ở địa phương	9
60	Trẻ kể tên và nêu một vài đặc điểm của cảnh đẹp, di tích lịch sử ở địa phương	-Cờ Tổ quốc, tên của di tích lịch sử, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội của địa phương: <i>Ngày hội đến trường; Ngày tết trung thu; 20/11; Tết Nguyên đán; tết dân tộc; ngày 8/3...</i> - <i>Thăm quan đài tưởng niệm Ma Thì Hồ (Vù A Sô); Tìm hiểu về quê hương Điện Biên và nói được một số từ chỉ địa danh ở Điện Biên: tượng đài chiến thắng Điện Biên; Đồi A1, Hàm đờ cát. □</i>	1,2,4,6,7
Điều chỉnh BS			

3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ:

61	- Trẻ biết thực hiện được yêu cầu đơn giản: VD: "Cháu hãy lấy quả bóng, ném vào rổ".	- Hiểu và làm theo yêu cầu đơn giản	1,2
62	- Trẻ được hiểu nghĩa từ khái quát gần gũi: Quần, áo, đồ chơi,hoa, quả...	- Hiểu các từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hành động, hiện tượng gần gũi, quen thuộc. - Từ TV: Quần áo, áo phông, quần đùi, áo mưa, hoa hồng, hoa mai, quả táo, quả chuối...	1,2
63	- Trẻ có khả năng hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi	- Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi	1- 9
64	- Trẻ có khả năng nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi	- Nghe các bài hát, bài thơ, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi	1-9
65	- Trẻ biết lắng nghe và trả lời được câu của người đối thoại.	- Trả lời và đặt các câu hỏi: "Ai?"; "cái gì?"; "ở đâu?"; "khi nào?"	4,7

66	- Trẻ biết nói rõ các tiếng.	- Phát âm các tiếng của tiếng việt	8,9
67	- Trẻ biết sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm ...	- Mô tả sự vật, tranh ảnh có sự giúp đỡ	5,7
68	- Trẻ sử dụng được câu đơn, câu ghép	- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu đơn mở rộng	4,6
69	- Trẻ biết kể lại được những sự việc đơn giản đã diễn ra của bản thân như: Thăm ông bà, đi chơi, xem phim, ...	- Kể lại sự việc	3
70	- Trẻ đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao ...	- Đọc thơ, ca dao đồng dao, tục ngữ, hò vè	1->9
71	- Trẻ biết kể lại truyện đơn giản đã được nghe với sự giúp đỡ của người lớn.	- Kể lại 1 vài tình tiết của truyện đã được nghe	4,8,9
72	- Trẻ biết bắt chước giọng nói của nhân vật trong truyện.	- Đóng vai theo lời dẫn truyện của giáo viên: - <i>Nói Tiếng Việt tên, tuổi, trường, lớp, đồ chơi, đồ dùng, màu sắc, hành động, nghề nghiệp quen thuộc, một số hoa, quả, con vật, PTGT, mùa hè...</i>	4,5,7
73	- Trẻ biết sử dụng các từ: "Vâng ạ"; "dạ"; "Thưa"... trong giao tiếp.	- Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép	1,4
74	- Trẻ nói đủ nghe, không nói lí nhí	- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp	1,2
75	- Trẻ biết đề nghị người khác đọc sách cho nghe, tự giờ sách xem tranh	- Cầm sách đúng chiều, mở sách, xem tranh và đọc truyện - Giữ gìn sách - Tiếp xúc với chữ, sách truyện - Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau	4,9
76	- Trẻ biết nhìn vào tranh minh họa và gọi tên nhân vật trong tranh	- Làm quen với 1 số kí hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ ...)	1,3,7

77	-Trẻ thích vẽ, "viết" nguệch ngoạc	- Làm quen với cách đọc và viết tiếng việt: + Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới + Hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu	7,9
Điều chỉnh BS			
4. Lĩnh vực phát triển tình cảm kỹ năng xã hội:			
78	- Trẻ biết nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân.	- Tên, tuổi, giới tính	2
79	- Trẻ biết nói được điều bé thích, không thích.	- Trẻ nói được điều bé thích, không thích	1,2
80	- Trẻ mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời câu hỏi.	- Tham gia các hoạt cùng cô và các bạn - Trả lời các câu hỏi	1,7
81	- Trẻ cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao (chia giấy vẽ, xếp đồ chơi, ...).	- Nhận biết hành vi "đúng" - "sai", "tốt" - "xấu"	7,8
82	- Trẻ nhận ra cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận qua nét mặt, giọng nói, qua tranh ảnh.	- Biểu lộ trạng thái cảm xúc qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động	7,9
83	- Trẻ biết biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận.	- Nhận biết 1 số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận) qua nét mặt, cử chỉ giọng nói	2
84	- Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ.	- Kính yêu Bác Hồ - Nhận ra hình ảnh Bác Hồ - Bác Hồ rất yêu các cháu thiếu nhi	9

85	- Trẻ thích nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ	- Quan tâm đến cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước: <i>Ngày hội đến trường; Ngày tết trung thu; 20/11; Tết Nguyên đán;tết dân tộc, ngày 8/3...</i> - <i>Thăm quan đài tưởng niệm Ma Thì Hồ; Tìm hiểu về quê hương Điện Biên và nói được một số từ chỉ địa danh ở Điện Biên.</i> - Thích nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tr.ảnh về Bác Hồ	9
86	- Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: sau khi chơi xếp cất đồ chơi, không tranh giành đồ chơi, vâng lời bố mẹ.	- Một số quy định ở lớp và gia đình (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ) - Yêu mến bố, mẹ, anh, chị, em ruột	1,3
87	- Trẻ biết chào hỏi và nói cảm ơn, xin lỗi khi được nhắc nhở...	- Cử chỉ, lời nói lễ phép (chào hỏi, cảm ơn)	3
88	- Trẻ biết chú ý nghe khi cô, bạn nói	- Chờ đến lượt	2,4
89	-Trẻ biết cùng chơi với các bạn trong các trò chơi theo nhóm nhỏ.	- Chơi hoà thuận với bạn	5,6,7
90	- Trẻ thích quan sát cảnh vật thiên nhiên và chăm sóc cây.	- <i>Sử dụng đồ chơi, đồ dùng của nhà trường tiết kiệm, tái sử dụng phế liệu làm đồ chơi, đồ dùng dạy học.</i> - Tiết kiệm điện, nước - Bảo vệ, chăm sóc con vật và cây cối	6,8
91	- Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định	- Giữ gìn vệ sinh môi trường	4
Điều chỉnh BS			
5. Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ:			
92	- Trẻ biết vui sướng, vỗ tay, nói lên cảm nhận của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng.	- Bộc lộ cảm xúc khi nghe âm thanh và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật	7,8

93	- Trẻ chú ý nghe, thích được hát bản nhạc (nhạc thiếu nhi, nhạc dân ca) thơ, đồng giao, ca dao, tục ngữ; thích kể câu chuyện.	- Nghe các bài hát	1-9
94	- Trẻ vui sướng, chỉ, sờ, ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình	- Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp	3
95	- Trẻ biết hát tự nhiên, hát được theo giai điệu bài hát quen thuộc.	- Hát đúng giai điệu, lời ca bài hát	1-9
96	- Trẻ biết vận động theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc (vỗ tay theo phách, nhịp, vận động minh họa).	- Vận động đơn giản theo nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc	1,2, 3,4, 5, 6, 7, 8, 9
97	- Trẻ biết sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm theo sự gợi ý.	- Sử dụng các nguyên vật liệu để tạo ra các sản phẩm	3,5,7,9
98	- Trẻ biết vẽ các nét thẳng, xiên, ngang, tạo thành bức tranh đơn giản.	- Sử dụng 1 số kỹ năng vẽ để tạo ra sản phẩm đơn giản	1,4,5,6,8,9
99	- Trẻ biết xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản.	- Xé, dán theo yêu cầu	2,3,5,6,7,9
100	- Trẻ biết sử dụng kỹ năng tạo thành các sản phẩm đơn giản	- Sử dụng một số kỹ năng cắt để tạo thành sản phẩm đơn giản	8
101	- Trẻ biết lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹt đất nặn để tạo thành các sản phẩm có 1 khối hoặc 2 khối.	- Biết sử dụng một số kỹ năng nặn	1,3,5,7
102	- Trẻ biết xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản.	- Xếp các sản phẩm đơn giản	3,7,9
103	- Trẻ biết nhận xét các sản phẩm tạo hình.	- Nhận xét sản phẩm tạo hình	2,4

104	- Trẻ biết vận động theo ý thích các bài hát, bản nhạc quen thuộc.	- Vận động theo ý thích khi hát/nghe các bài hát, bản nhạc quen thuộc	4,6
105	- Trẻ biết tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	- Tạo ra các sản phẩm đơn giản theo ý thích.	7,8,9
106	- Trẻ đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	- Đặt tên cho sản phẩm của mình - Thể hiện sự hiểu biết qua các hoạt động âm nhạc, tạo hình, vui chơi: Hoạt động chơi ngoài trời, hoạt động góc...	1,5,6,8
Điều chỉnh BS			

Giáo viên

Tổ chuyên môn duyệt

Nhà trường kí duyệt